

CÔNG TY TNHH MOONMILK  
Tổ 13 Đường Dẽ, Phường Bắc Nha Trang,  
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
T: 02583 553 888

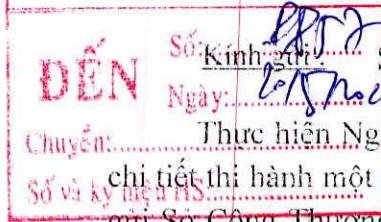


Ký bởi: SỞ  
CÔNG  
THƯƠNG  
Ngày ký: 20-  
05-2026  
15:36  
+07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA

Nha trang, ngày 07 tháng 05 năm 2026



Số: 2026  
Ngày: 07/05/2026

## SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA

Chuyển: Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính gửi Sở Công Thương Tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho sản phẩm thực phẩm nhập khẩu với chi tiết như sau:

| Sr | Tên sản phẩm                      | Số công bố       | Ngày công bố |
|----|-----------------------------------|------------------|--------------|
| 1  | Ngũ cốc cán 4 loại hạt hiệu MAKFA | 44/Moonmilk/2026 | 01/05/2026   |

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực phẩm với sản phẩm đã công bố.

Hồ sơ đính kèm gồm:

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



*Nguyễn Hữu Long*

0001 172-10

172-10-100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
Số : 44/Moonmilk/2026

**I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888

Email: [import2.moonmilk@gmail.com](mailto:import2.moonmilk@gmail.com)

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

**II. Thông tin về sản phẩm:**

1. Tên sản phẩm: Ngũ cốc cán 4 loại hạt hiệu MAKFA
  2. Thành phần: Yến mạch cán, lúa mạch đen cán, lúa mì cán, lúa mạch cán.
  3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 1 năm kể từ ngày sản xuất
  4. Quy cách đóng gói: 450g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng;
  5. Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa bên trong hộp giấy, phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế
  6. Nhà Sản Xuất: Công ty cổ phần «MAKFA», văn phòng 1, tòa 1, nhà 5, ngõ Vspolny, thành phố Moskva, 123001, Nga, điện thoại: 8-800-500-08-04, [www.makfa.ru](http://www.makfa.ru), [makfa@makfa.ru](mailto:makfa@makfa.ru).
- Địa điểm sản xuất: Công ty cổ phần «MAKFA», số 43, phố Lineinaya, làng Troitskoye, huyện Troitsky, vùng Altai, 658940, Nga..

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.





#### 4.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật

| STT | Tên chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Mức công bố     |
|-----|---------------------------------|-------------|-----------------|
| 01  | TSVSVHK                         | CFU/g       | $1 \times 10^2$ |
| 02  | E.coli                          | CFU/g       | <10             |
| 03  | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | CFU/g       | <10             |
| 04  | S. aureus                       | CFU/g       | <10             |
| 05  | CL. perfringens                 | CFU/g       | <10             |
| 06  | B. cereus                       | CFU/g       | <10             |
| 07  | Coliforms                       | CFU/g       | <10             |

#### 4.2. Hàm lượng kim loại nặng

Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT

| STT | Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|-----------|-------------|------------|
| 01  | Asen (As) | mg/kg       | 0,1        |
| 02  | Chì (Pb)  | mg/kg       | 2          |

#### 4.3. Độc tố vi nấm

Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT,

| STT | Chỉ tiêu          | Đơn vị tính      | Mức tối đa |
|-----|-------------------|------------------|------------|
| 01  | Aflatoxin B1      | $\mu\text{g/kg}$ | 5          |
| 02  | Aflatoxin tổng số | $\mu\text{g/kg}$ | 10         |
| 03  | Ochratoxin A      | $\mu\text{g/kg}$ | 3          |
| 04  | Deoxynivalenol    | $\mu\text{g/kg}$ | 750        |
| 05  | Zearalenone       | $\mu\text{g/kg}$ | 75         |

57074

NG T  
NH  
NMI

G-TAK



Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

  
 **GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Hữu Lợi*





## Nhãn phụ



- Tên sản phẩm: Ngũ cốc cán 4 loại hạt hiệu MAKFA
  - Thành phần: Yến mạch cán, lúa mạch đen cán, lúa mì cán, lúa mạch cán.
  - Bảo quản: Trong các kho chứa khô ráo, thông thoáng, không bị côn trùng gây hại ngũ cốc xâm nhiễm, tuân thủ các quy định vệ sinh, ở nhiệt độ không quá 25°C và độ ẩm tương đối của không khí không quá 75%. Không được bảo quản cùng với hàng hóa có mùi đặc trưng và không để ánh nắng trực tiếp chiếu vào.
  - Hướng dẫn sử dụng: Xem trên bao bì
  - Hạn sử dụng: 1 năm kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
  - Quy cách và đóng gói: Xem trên bao bì
  - Xuất xứ: Nga
  - 6.Nhà Sản Xuất: Công ty cổ phần «MAKFA», văn phòng 1, tòa 1, nhà 5, ngõ Vspolny, thành phố Moskva, 123001, Nga, điện thoại: 8-800-500-08-04, [www.makfa.ru](http://www.makfa.ru), [makfa@makfa.ru](mailto:makfa@makfa.ru).  
Địa điểm sản xuất: Công ty cổ phần «MAKFA», số 43, phố Lineinaya, làng Troitskoye, huyện Troitsky, vùng Altai, 659840, Nga.
- CÔNG TY TNHH MOONMILK**  
Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
SDT: 0258 3553 888
- Số công bố : 44/Moonmilk/2026

| Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g                                         |  |          |
|----------------------------------------------------------------------------------|--|----------|
| Năng lượng (Energy)                                                              |  | 364 Kcal |
| Đạm (Protein)                                                                    |  | 11.5 g   |
| Carbohydrat (Carbohydrate)                                                       |  | 72.4 g   |
| Béo tổng (Total fat)                                                             |  | 3.18 g   |
| Natri (Sodium)                                                                   |  | 1.19 mg  |
| Giá trị dinh dưỡng của sản phẩm dao động (+/-) 20% giá trị công bố ghi trên nhãn |  |          |



20. Ngũ cốc bắp 4 loại ngũ cốc

**BẢN DỊCH  
TRANSLATION**



**Ngũ cốc cán 4 loại hạt**

Бесплатная горячая  
линия в России по  
вопросам качества  
**8 800 500 08 04**  
[hotline@makfa.ru](mailto:hotline@makfa.ru)  
[www.makfa.ru](http://www.makfa.ru)

Đường dây nóng miễn phí tại Nga về các vấn đề  
chất lượng  
8 800 500 08 04  
[hotline@makfa.ru](mailto:hotline@makfa.ru)  
[www.makfa.ru](http://www.makfa.ru)



Смотрите  
рецепты  
на каждый  
день

Xem các công thức nấu ăn cho mỗi ngày



ОВСЯНЫЕ | ПШЕНИЧНЫЕ | ЯЧМЕННЫЕ | РЖАНЫЕ

|                                    |                                      |             |
|------------------------------------|--------------------------------------|-------------|
| Пищевая ценность<br>100 г продукта | Энергетическая<br>ценность, ккал     | <b>337</b>  |
|                                    | белки, г                             | <b>11,0</b> |
|                                    | жиры, г                              | <b>2,5</b>  |
|                                    | углеводы, г                          | <b>71,1</b> |
|                                    | в том числе<br>пищевые<br>волокна, г | <b>6,8</b>  |

**450 г**

**ТАК  
НАЧИНАЕТСЯ  
УТРО!**

YẾN MẠCH | LÚA MÌ | LÚA MẠCH | LÚA MẠCH ĐEN

Giá trị dinh dưỡng trong 100 g sản phẩm

Giá trị năng lượng, kcal 337

chất đạm, g 11,0

chất béo, g 2,5

carbohydrate, g 71,1

trong đó chất xơ thực phẩm, g 6,8

**450 g**

**BUỔI SÁNG BẮT ĐẦU NHƯ THẾ!**

*Hoan*



**МАКФА®**

**ПОЛЬЗА СО ВКУСОМ**

**Зерновые хлопья МАКФА** можно использовать для выпечки пирогов, печенья, оладий, хлеба, кексов, запеканок, приготовления киселей, смузи, питательных батончиков и домашней гранолы.

**СПОСОБ ПРИГОТОВЛЕНИЯ**

TAYYORLASH USULI / TAPSI TAYEP HAMUDAN / DAIYINDAY TƏSİLİ /  
ДАЯРДОО БЫКМАСЫ / MOD DE PREGATIRE

**НА ПЛИТЕ**

PLITADA / DAP PLITA / PLITADA /  
PEŞTE DAIYINDAY / PE ARAGAZ

**В МИКРОВОЛНОВОЙ ПЕЧИ**

MIKROTO'LOINLIK PEŞIDA / DAP TAFFONI  
MIKROMAVÇI / MIKROTO'LOINDUUY MEŞTE /  
QYŞQATOLQYNDY PEŞTE DAIYINDAY /  
IN CUPTOR CU MICROUNDE



**ХЛОПЬЯ 4 ЗЛАКА** СТО 53861535-010

Состав: хлопья овсяные, хлопья ржаные, хлопья пшеничные, хлопья ячменные

**МАССА НЕТТО: 450 г.**

Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения): энергетическая ценность, ккал/кДж — 337/1427, белки — 11,0 г; жиры — 2,5 г; углеводы — 71,1 г, в том числе пищевые волокна — 6,8 г. Условия хранения: в сухих, хорошо вентилируемых, не зараженных вредителями хлебных запасов, помещениях с соблюдением санитарных правил, при температуре не выше 25°C и относительной влажности воздуха не более 75%. Хранить вместе с товарами имеющими специфический запах, а также попадание прямых солнечных лучей не допускается. Изготовитель: АО «МАКФА», Россия, 123001, г. Москва, пер. Вспольный, д. 5, стр. 1, офис 1. Адрес производства: АО «МАКФА», Россия, 659840, Алтайский край, Троицкий район, с. Троицкое, ул. Линейная, 43. ИМПОРТЕР В РЕСПУБЛИКЕ БЕЛАРУСЬ: ООО «Тибетрай», 220125, г. Минск, ул. Уручская, д. 11а, оф. 43. Тел.: 8-017-389-06-40. Дату изготовления, номер смены, «годен до» смотреть на упаковке возле штрих-кода.

**МАКФА®**

**Bổ dưỡng và ngon miệng**

Ngũ cốc cán MAKFA có thể được sử dụng để nướng bánh pie, bánh quy, bánh rán, bánh mì, bánh bông lan, các món nướng đút lò, chế biến đồ uống sệt, sinh tố, thanh dinh dưỡng và granola tự làm tại nhà.

**CÁCH CHẾ BIẾN**

**TRÊN BẾP**

**TRONG LÒ VI SÓNG**

RU Ngũ cốc cán 4 loại hạt STO 53861535-010

Thành phần: yến mạch cán, lúa mạch đen cán, lúa mì cán, lúa mạch cán.

**KHỐI LƯỢNG TÍNH: 450 g.**

Giá trị dinh dưỡng trong 100 g sản phẩm (giá trị trung bình):

giá trị năng lượng, kcal/kJ — 337/1427;

chất đạm — 11,0 g;

chất béo — 2,5 g;

carbohydrate — 71,1 g, trong đó chất xơ thực phẩm — 6,8 g.

Điều kiện bảo quản: trong các kho chứa khô ráo, thông thoáng, không bị côn trùng gây hại ngũ cốc xâm nhiễm, tuân thủ các quy định vệ sinh, ở nhiệt độ không quá 25°C và độ ẩm tương đối của không khí không quá 75%. Không được bảo quản cùng với hàng hóa có mùi đặc trưng, cũng như để ánh nắng trực tiếp chiếu vào.

Nhà sản xuất: Công ty cổ phần «МАКФА», văn phòng 1, tòa 1, nhà 5, ngõ Vspolny, thành phố Moskva, 123001, Nga.

Sản xuất tại: Công ty cổ phần «МАКФА», số 43, phố Lineinaya, làng Troitskoye, huyện Troitsky, vùng Altai, 659840, Nga.

Nhà nhập khẩu tại Cộng hòa Belarus: Công ty TNHH «Tibetrey», văn phòng 43, nhà 11a, phố Uryutskaya, thành phố Minsk, 220125, Cộng hòa Belarus.

Điện thoại: 8-017-389-06-40.

Ngày sản xuất, số ca, “hạn dùng đến” xem trên nắp trên của bao bì.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY MOONMILK**

**GIÁM ĐỐC**

(Đã ký và đóng dấu)

*U*

*Hoan*

177. 10. 10. 11.  
178. 10. 10. 11.

179. 10. 10. 11.

180.

Tôi, Ngô Đình Hoàn, CCCD số: 034080013001 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nga sang tiếng Việt**.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026

**Người dịch ký và ghi rõ họ tên**



**Ngô Đình Hoàn**

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mười sáu, tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, **CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Trần Thị Huyền* là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

**CHỨNG THỰC**

- Ông Ngô Đình Hoàn là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 2 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 3 tờ, 3 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

**Số chứng thực:**

6400

**Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND**

Người thực hiện chứng thực

Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**

*Trần Thị Huyền*



20 Cornflakes 4 cereals



Бесплатная горячая  
линия в России по  
вопросам качества

**8 800 500 08 04**

hotline@makfa.ru

www.makfa.ru



Смотрите  
рецепты  
на каждый  
день

ОВСЯНЫЕ | ПШЕНИЧНЫЕ | ЯЧМЕННЫЕ | РЖАНЫЕ

Пищевая ценность  
100 г продукта

|                                      |             |
|--------------------------------------|-------------|
| Энергетическая<br>ценность, ккал     | <b>337</b>  |
| белки, г                             | <b>11,0</b> |
| жиры, г                              | <b>2,5</b>  |
| углеводы, г                          | <b>71,1</b> |
| в том числе<br>пищевые<br>волокна, г | <b>6,8</b>  |

**450 г**

**ТАК  
НАЧИНАЕТСЯ  
УТРО!**





# ПОЛЬЗА СО ВКУСОМ



**Зерновые хлопья MAKFA** можно использовать для выпечки пирогов, печенья, оладий, хлеба, кексов, запеканок, приготовления киселей, смузи, питательных батончиков и домашних гранолы.

## СПОСОБ ПРИГОТОВЛЕНИЯ

ТАУУОРЛАШ УСУЛ / ТАРЗИ ТАЙЕР НАМУДАН / ДАЙЫНДАУ ТАСИЛ /  
ДЭРДОО РЫКАРСЫ / MOD DE PREGATIRE

## В МИКРОВОЛНОВОЙ ПЕЧИ

МИКРОТОЛҚЫНЛІК ПЕЧІДА / ДАР ТАҒДОНІ  
МИКРОМАҒЫН / МИКРОТОЛҚЫНДУУ МЕШТЕ /  
РЫСҚАТОЛҚЫНДЫ ПЕШТЕ ДАЙЫНДАУ /  
IN CUPTOR CU MICROONDE



минуты / dakika / дақиқа / минут / minute  
\*\* BATT / VATT / BATT / BATT / BATT / VATT

**ХЛОПЬЯ 4 ЗЛАКА** СТО 53861535-010

Состав: хлопья овсяные, хлопья ржаные, хлопья пшеничные, хлопья ячменные.

**МАСА НЕТТО: 450 г.**

(средние значения): энергетическая ценность, ккал/кДж – 337/1427, белки – 11,0 г, жиры – 2,5 г, углеводы – 71,1 г, в том числе пищевые волокна – 6,8 г. Условия хранения: в сухих, хорошо вентилируемых, зараженных вредителями хлебных запасов, помещениях с соблюдением санитарных правил, при температуре не выше 25°C и относительной влажностью воздуха не более 75%. Хранить вместе с товарами немашинный специфический запах, а также попадание прямых солнечных лучей не допускается. Изготовитель: АО «МАКФА», Россия, 123001, г. Москва, пер. Восточный, д. 6, стр. 1, офис 1. Адрес производства: АО «МАКФА», Россия, 659840, Алтайский край, Троицкий район, с. Троицкое, ул. Линейная, 43. ИМПОРТЕР В РЕСПУБЛИКЕ БЕЛАРУСЬ: ООО «Инберга», 220125, г. Минск, ул. Уручская, д. 11а, оф. 43. Тел.: 8-017-389-06-40. Дата изготовления, номер смены, «годен до» смонтировать на упаковке возле штрих-кода.







**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



Trang/ Page No: 1/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-19 (4/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK  
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : NGŨ CỐC CÁN 4 LOẠI HẠT HIỆU MAKFA  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :







AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-19 (4/4)

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                         | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method          |
|-------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|------------------------------------------|
| 1           | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | 1.0 x 10 <sup>2</sup>  | CFU/g           | ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022               |
| 2           | Coliforms (*) / Coliforms (*)                                       | <10                    | CFU/g           | TCVN 6848:2007(ISO 4832:2006)            |
| 3           | Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                         | <10                    | CFU/g           | TCVN 7924-2:2008(ISO 16649-2:2001)       |
| 4           | Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)               | <10                    | CFU/g           | AOAC 975.55                              |
| 5           | Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)           | <10                    | CFU/g           | ISO 15213-2:2023                         |
| 6           | Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)                           | <10                    | CFU/g           | AOAC 980.31                              |
| 7           | Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds  | <10                    | CFU/g           | Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) |

Chú thích/ Remarks:

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi / (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản / (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp / Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp / Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh / For microbiological analyses:
  - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện / According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện / According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện) / According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học / For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ" / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể / The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.



GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH







KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-19 (2/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK  
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : NGŨ CỐC CÁN 4 LOẠI HẠT HIỆU MAKFA  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s)                          | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|
| 1           | Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)         | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.1) | µg/kg           | AVA-KN-PP.SK/211                |
| 2           | Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*) | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.1) | µg/kg           | AVA-KN-PP.SK/211                |
| 3           | Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)         | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.3) | µg/kg           | AVA-KN-PP.SK/211                |







AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-19 (2/4)

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s)                        | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|
| 4           | Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)     | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 7) | µg/kg           | AVA-KN-PP.SK/211                |
| 5           | Zearalenone (*) / Zearalenone (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 7) | µg/kg           | AVA-KN-PP.SK/211                |

Chú thích/ Remarks:

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện/ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH







**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



Trang/ Page No: 1/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-19 (3/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK  
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : NGŨ CỐC CÁN 4 LOẠI HẠT HIỆU MAKFA  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :







AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-19 (3/4)

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------------------|
| 1           | Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)          | <0.01                  | mg/kg           | AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01) |
| 2           | Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)                | <0.01                  | mg/kg           | AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01) |

Chú thích/ Remarks:

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*\*)(\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục Thủy sản/ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Clients.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ" / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH







**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**

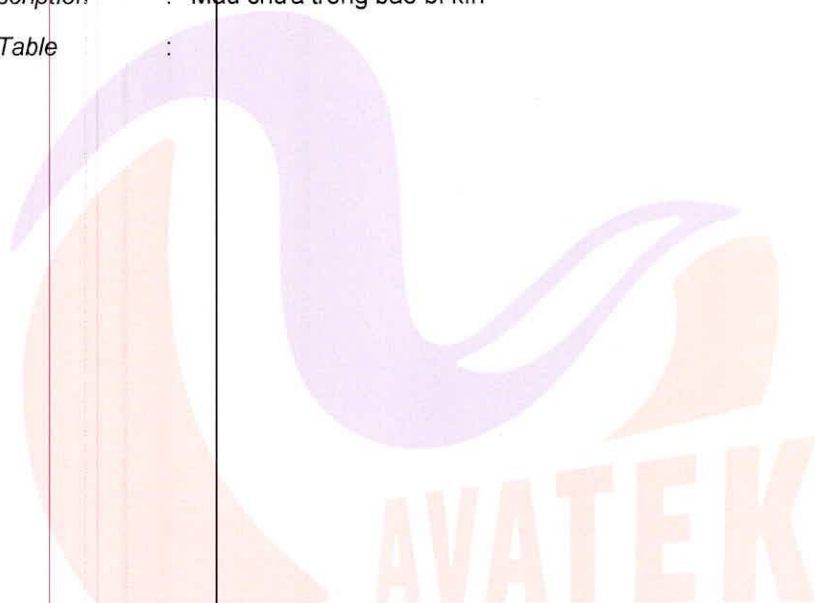


Trang/ Page No: 1/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-19 (1/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK  
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 17/03/2026  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/03/2026 - 27/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : NGŨ CỐC CÁN 4 LOẠI HẠT HIỆU MAKFA  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :



*Quu*







AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QOD9260300288-19 (1/4)

| STT/<br>No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                                                                | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|---------------------------------|
| 1           | Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate)<br>(*) / Calories (Calculated from protein, fat and<br>carbohydrate) (*) | 364                    | kcal/100g       | AVA-KN-PP.HL/10                 |
| 2           | Đạm (*) / Protein (*)                                                                                                      | 11.5                   | g/100g          | AVA-KN-PP.HL/01                 |
| 3           | Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)                                                                                         | 72.4                   | g/100g          | AVA-KN-PP.HL/04                 |
| 4           | Béo tổng (*) / Total fat (*)                                                                                               | 3.18                   | g/100g          | AVA-KN-PP.HL/02                 |
| 5           | Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)                                                                                           | 1.19                   | mg/100g         | AVA-KN-PP.QP/063                |

Chú thích/ Remarks:

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*): (\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*\*): (\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.



GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH



